

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/KDTM-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Anh Q**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Hoàng V**

2. Ông **Dương Minh D**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ An T** – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK: Ông **Nguyễn Xuân L** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2018/TLST-KDTM ngày 15/4/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 529/2020/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**

Địa chỉ: 405/5, KV.6, hẻm tổ 4-5, Nguyễn Văn Linh, P. AK, Q. NK, TP. CT.

* *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VT

Địa chỉ: 256/84, Nguyễn Văn Cừ, P. AH, Q. NK, TP. CT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Thúc K**

Địa chỉ: Tổ 12, KV3 Cồn Khương, P. CK, Q. NK, TP. CT.

* *Người làm chứng:*

1. Ông **Phạm Minh L**

Địa chỉ: 51/12/8, đường 3/2, P. XK, Q. NK, TP. CT.

2. Ông **Nguyễn Thanh S**

Địa chỉ: Ấp Tân Phú A, xã Tân Phú Thạnh, thị trấn CT, HG. Vắng mặt

3. Ông **Vũ Quí K**

Địa chỉ: 402, khu vực 6, phường AK, Q. NK, TP. CT. Vắng mặt

4. Ông **Nguyễn Văn B**

Địa chỉ: Ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện CT, HG. Vắng mặt.

5. Ông **Lê Nam T**

Địa chỉ: 79A, Phạm Ngũ Lão, P. TB, Q. NK, TP. CT.

6. Ông **Võ Duy N**

Địa chỉ: 40S9/7 tổ 7B, khu vực 3, phường AK, quận NK, thành phố CT.

7. Ông **Nguyễn Ngọc V**

Địa chỉ: 38H/11 khu vực 3, phường AK, quận NK, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Vào ngày 05/7/2014, ông C có ký hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VT (sau đây gọi là Công ty VT) do ông Bùi Thúc K làm giám đốc. Nội dung hợp đồng thỏa thuận giao cho Công ty VT thi công công trình loại nhà trọ với thiết kế 01 trệt 02 lầu dẫy 08 phòng liên kề, với tổng giá trị hợp đồng là 299.040.000 đồng, thỏa thuận thời gian thi công là 120 ngày kể từ ngày 08/7/2014, phương thức thanh toán: Ông C tạm ứng cho công ty VT 10.000.000 đồng sau khi ký hợp đồng, phần còn lại sẽ thanh toán theo tiến độ công trình hoặc thanh toán chi phí nhân công vào cuối tuần. Nếu thanh toán theo khối lượng thì sẽ thanh toán 70% -80% giá trị thi công. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C đã giao đủ số tiền 299.040.000 đồng cho Công ty VT theo hợp đồng. Ông K đã nhận tiền nhiều lần và ngày 10/12/2014 ông K đã làm biên nhận tổng số tiền đã nhận. Tuy nhiên, Công ty VT đã thi công không đảm bảo thời gian và ông C có gian hạn và yêu cầu thợ thi công nhưng ông K không trả tiền công nên chỉ làm 01 tuần và không tiếp tục thi công. Ngày 19/01/2015, ông C và ông K có ký biên bản nghiệm thu có ông Lê Nam T giám sát làm chứng. Công ty VT còn 01 số hạng mục chưa thi công tính thành tiền là 69.347.600 đồng, làm tròn 70.000.000 đồng.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu Công ty VT phải có trách nhiệm trả cho ông C các khoản sau:

- Tiền giá trị xây dựng chưa thực hiện theo biên bản nghiệm thu là 70.000.000 đồng.

- Yêu cầu bồi thường do chậm tiến độ thi công so với hợp đồng gấp 02 lần thời gian với số tiền 50.000.000 đồng.

- Yêu cầu bồi thường do việc Công ty không cử người giám sát thi công, bố trí thợ không có chuyên môn kỹ thuật làm hư hao vật tư, làm mất mỹ quan làm ảnh hưởng đến kết cấu, ước tính giá trị sửa chữa 20.000.000 đồng.

** Đại diện theo pháp luật Công ty VT ông Bùi Thúc K trình bày:*

- Công ty VT không vi phạm tiến độ thi công công trình cho ông C. Bởi vì thời gian thi công 06 tháng (từ 08/7/2014 đến 08/01/2015) thi công sửa chữa và nâng tầng nhà trọ từ 01 tầng lên 02 tầng, thi công vào mùa mưa và trong quá trình thi công ông C đưa ra nhiều công việc phát sinh ngoài hợp đồng. Ngày 19/01/2015 theo đề nghị của ông C giữa Công ty và ông C tiến hành thỏa thuận lại bằng biên bản nghiệm thu công trình để xác định công việc đã hoàn thành, công việc còn lại phải thi công. Các công việc Công ty phải hoàn thành tương đương số tiền 69.347.600 đồng. Trong đó : Công việc tại mục III.1 là 27.147.600 đồng, ông C đề nghị để ông tự chỉ định thợ của ông Võ Quý K thực hiện. Công việc tại mục III.2 là 42.200.000 đồng sẽ do Công ty tự bố trí nhân công thực hiện. Ngày 19/01/2015 giữa ông C, Công ty VT và ông K chỉ xác định công việc phải thực hiện mà không xác định thời gian.

- Đối với yêu cầu của ông C buộc Công ty hoàn trả giá trị xây dựng công trình 70.000.000 đồng chưa thực hiện theo biên bản nghiệm thu công trình. Công ty thực hiện các công việc còn lại số tiền 51.700.000 đồng (Trong đó : tiền công khoán sơn bê 34.700.000 đồng cho Phạm Minh L theo giấy giao nhận tiền ngày 08/02/2015; tiền công khoán xây tô cầu thang, sửa lan can lầu 02 là 7.000.000 đồng theo giấy giao tiền ngày 06/02/2015; tiền công thợ ông C chỉ định là 10.000.000 đồng theo giấy giao tiền ngày 14/02/2015; số chân giàn giáo do Công ty thuê của ông Nguyễn Văn B theo hợp đồng thuê ngày 16/7/2014 (21 x 380.000 đồng = 7.890.000 đồng) ông C giữ lại không cho Công ty VT nhận về. Như vậy, Công ty VT đã thanh toán cho ông C số tiền 59.590.000 đồng, chỉ còn nợ lại ông C là 9.757.600 đồng.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất doanh thu do Công ty kéo dài thời gian thi công và làm hư hao vật tư với số tiền 70.000.000 đồng thì Công ty không đồng ý. Cụ thể :

+ Đối với yêu cầu bồi thường do chậm tiến độ thi công so với hợp đồng gấp 02 lần thời gian với số tiền 50.000.000 đồng. Công ty không vi phạm thời gian thi công, tiến độ công trình như trình bày nêu trên.

+ Đối với yêu cầu bồi thường do việc Công ty không cử người giám sát thi công, bố trí thợ không có chuyên môn kỹ thuật làm hư hao vật tư, làm mất mỹ quan làm ảnh hưởng đến kết cấu, ước tính giá trị sửa chữa 20.000.000 đồng. Trong quá trình thi công vợ chồng ông C và ông Nam thuê giám sát công trình nên việc hư hao vật tư là không hợp lý.

** Người làm chứng ông Phạm Minh L trình bày:*

Ông L có nhận sơn bê công trình nhà trọ của ông C với số tiền là 34.700.000 đồng để trả tiền cho công nhân đối với ông K – Công ty VT. Trong quá trình thi công ông C có gây khó khăn cho công ty VT. Đối với phần phát sinh ông C không thanh toán cho Công ty VT gây khó khăn cho Công ty VT. Số tiền ông L nhận hàng tuần của ông K để chi trả cho công thợ. Sau đó mới lập biên nhận với tổng số tiền 34.700.000 đồng vào ngày 08/02/2015.

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông thuộc đội thi công của Công ty VT và thi công công trình nhà ông C trong khâu xây tô và cũng là người cho ông K thuê giàn giáo để thi công công trình nhà ông C. Trong quá trình thi công do gặp nhiều khó khăn ở chủ nhà cho nên ông không thi công tiếp. Phần giàn giáo thì vẫn cho ông K thuê và ông K đã thanh toán tiền thuê giàn giáo. Hiện tại giàn giáo của ông đang bị ông C giữ lại nên ông đề nghị được nhận lại giàn giáo.

** Người làm chứng ông Vũ Trọng K trình bày:*

Ông K là người được ông C yêu cầu thi công 20% công trình nhà trọ của ông C còn lại sau khi Công ty VT đã thực hiện được khoản 80% công trình. Ông K thi công trong khoảng thời gian 20 ngày. Ông K là người ký giấy giao nhận tiền ngày 14/02/2015 tên Vũ Quý K. Ông K có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng ông Lê Nam T trình bày:*

Ông là người giám sát công trình cho ông Nguyễn Văn C khi công ty VT thi công công trình nhà ông C đến lúc hai bên quyết toán. Giữa ông C và Công ty VT đã hoàn thành thủ tục hợp đồng và thực hiện hợp đồng đúng quy định pháp luật. Trong thời gian thi công do chậm tiến độ, không hoàn thành công trình nhưng ông K đã ứng hết tiền nhân công (giá trị hợp đồng nhân công) nên ông K không còn khả năng thực hiện công trình. Hai bên đã xác định ông K còn nợ lại khối lượng công trình thi công tương đương số tiền là 70 triệu đồng (69.347.600 đồng) tại biên bản nghiệm thu ngày 19/01/2015 hai bên đã ký tên. Ông C chấp nhận bỏ tiền ra để thuê thợ hoàn thành công trình. Trách nhiệm của ông K là sẽ hoàn trả lại số tiền cho ông C.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Thanh S đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Ông C yêu cầu cần buộc Công ty VT trả cho ông C số tiền là 59.347. 600 đồng cùng với lãi suất 0,875%/tháng tính từ lúc khởi kiện đến nay.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng ông L, ông Lê Nam T, vẫn giữ ý kiến như đã trình bày.

Người làm chứng Võ Duy N trình bày: vào cuối năm 2014, ông N có đến thi công đóng trần nhà cho nhà trọ của ông C với diện tích của 08 phòng trọ là 203,6m². Tiền công thợ là 3.054.000 đồng, vật tư do ông C chịu.

Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc V trình bày: khoản gần cuối năm 2014, ông V có đến ốp, lát gạch nhà trọ của ông C, giữa ông với ông C không làm hợp đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự thì nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Toà án nhân dân quận NK thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng là đúng nhưng chưa đầy đủ mà cần xác định là “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” mới đúng và đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp.

Vụ việc được Tòa án nhân dân quận NK thụ lý giải quyết bằng bản án số 27/2016/KDTM –ST tuy nhiên do giải quyết theo thủ tục vắng mặt phía bị đơn. Sau đó bị đơn K cáo và cung cấp thêm chứng cứ mới nên vụ án đã được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo hướng hủy án sơ thẩm để tiến hành đối chất làm rõ các chứng cứ mới do bị đơn cung cấp để xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngày 15/4/2008, Tòa án nhân dân quận NK thụ lý lại vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng thi công là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật.

Tại phiên tòa ông K không thừa nhận thực hiện thi công công trình trễ hạn. Nhưng căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ có thể xác định hợp đồng thi công đã quá hạn. Bởi đến ngày 19/01/2015 các bên đã thực hiện nghiệm thu công trình và cho đến ngày này thực tế phía bị đơn vẫn chưa thực hiện xong công trình theo thỏa thuận. Tuy nhiên, theo Điều 10 hợp đồng thi công xây dựng thì việc để công trình quá hạn cũng có một phần lỗi của ông C, đồng thời tại Điều 11 các bên thỏa thuận nếu có thay đổi về hợp đồng thi công phải lập thành biên bản. Việc các bên ký kết biên bản nghiệm thu thể hiện các bên đồng ý kết thúc hợp đồng thi công vào ngày 19/01/2015. Ngoài ra hợp đồng không thỏa thuận cụ thể về trách nhiệm của các bên khi việc thực hiện quá thời hạn đã nêu trong hợp đồng nên ông C cho rằng có thiệt hại do việc thi công quá hạn thì ông phải chứng minh nhưng cho đến phiên tòa hôm nay ông cũng không cung cấp được chứng cứ nào thuyết phục về việc ông có thiệt hại về nội dung này. Về lỗi như đã phân tích không thể buộc bị đơn chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc kéo dài thời gian thi công như đã phân tích. Đối với thiệt hại về việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán các giá trị theo biên bản nghiệm thu ngày 19/01/2015 lại cho nguyên đơn để buộc bị đơn thanh toán lãi suất với mức lãi 10,5%/năm tương đương 0,875%/tháng với tổng số tiền yêu cầu trong thiệt hại này tính từ ngày khởi kiện đến ngày 27/3/2015 đến 27/8/2020 với số tiền tạm tính là 32.789.549 đồng, nhận thấy đây là lỗi của bị đơn và số tiền này không vượt quá phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn với tổng số tiền là 140.000.000 đồng.

Nhận xét về lỗi để dẫn đến tranh chấp là lỗi của bị đơn. Đồng thời, phía bị đơn cho rằng đã đưa người đến hoàn thành các công việc nhưng phía người làm chứng và nguyên đơn không có bất kỳ một chứng cứ gì chứng minh là có đến để thực hiện các công việc còn lại. Đối với giám sát Lê Nam T là bên thỏa thuận là giám sát công trình cũng không thừa nhận có sự việc những người làm chứng cho ông K có thực hiện công trình. Lẽ ra khi thực hiện tiếp tục công việc và hoàn thành công trình phía bị đơn cần có một sự xác nhận của nguyên đơn hoặc là người giám sát công trình ông Lê Nam T. Do đó, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở. Đồng thời với lời trình bày về việc nguyên đơn còn giữ 21 chân giàn giáo của bị đơn nhưng khi được Tòa án giải thích phía bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố nên không có cơ sở để xem xét cho bị đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại do các bên không có thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng và nguyên đơn cũng không yêu cầu giám định

thiệt hại trong xây dựng mà tự ý đưa một giá trị thiệt hại là 70.000.000 đồng là không có cơ sở.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải hoàn trả giá trị 59.347.600 đồng (gồm các phần việc bị đơn chưa thực hiện cho công trình của nguyên đơn) và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thi công xây dựng với tổng số tiền là 32.789.549 đồng. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do công trình chậm đưa vào sử dụng và giá trị công trình do không đảm bảo chất lượng phải sửa chữa lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Giữa ông Nguyễn Văn C và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VT có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình nhà ở ngày 05/7/2014, các bên có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả giá trị còn lại mà bị đơn chưa thi công và đã được nghiệm thu bằng văn bản và yêu cầu bồi thường do chậm tiến độ thi công và làm hư hao vật tư. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 21 Điều 3 Luật xây dựng 2014.

- *Về vắng mặt các đương sự, người tham gia tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người làm chứng ông Vũ Quý K (Vũ Trọng K), ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông S nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 19/01/2015, nguyên đơn và bị đơn ký biên bản nghiệm thu công trình. Ngày 27/3/2015, ông Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện đối với Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng VT nên thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo.

[2] Xét về nội dung:

Giữa ông Nguyễn Văn C và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VT có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình nhà ở ngày 05/7/2014, giá trị hợp đồng là 299.040.000 đồng. Theo ông C thì Công ty VT đã nhận đủ tiền nhưng chưa thi công xong công trình. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C yêu cầu Công ty VT phải trả số tiền giá trị xây dựng chưa thực hiện theo biên bản nghiệm thu ngày 19/01/2014 là 70.000.000 đồng. Ông C cho rằng số tiền này tương ứng với khối lượng công trình Công ty VT chưa thi công theo thỏa thuận hợp đồng thi công xây

dựng ký kết ngày 05/7/2014 và biên nhận tiền ngày 10/12/2014. Căn cứ nội dung biên bản nghiệm thu công trình ngày 19/01/2015 giữa ông C, ông K và người giám sát ông Lê Nam T thì nội dung biên bản xác định Công ty còn nợ lại khối lượng công trình tương ứng số tiền 69.347.600 đồng. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại tòa án ông K - Đại diện theo pháp luật Công ty VT xác định phần công việc Công ty chưa thực hiện đối với công trình nhà trọ của ông C đối với số tiền này. Công ty cho rằng đã thực hiện đối với công trình nhà ông C với số tiền 51.700.000 đồng. Cụ thể gồm:

- + Tiền công khoán sơn bê 34.700.000 đồng cho Phạm Minh L theo giấy giao nhận tiền ngày 08/02/2015.

- + Tiền công khoán xây tô cầu thang, sửa lan can lầu 02 là 7.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh S theo giấy giao tiền ngày 06/02/2015;

- + Tiền công thợ ông C chỉ định ông Vũ Quý K là 10.000.000 đồng theo giấy giao tiền ngày 14/02/2015;

- + Số chân giàn giáo do Công ty thuê của ông Nguyễn Văn B theo hợp đồng thuê ngày 16/7/2014 ($21 \times 380.000 \text{ đồng} = 7.890.000 \text{ đồng}$) ông C giữ lại không cho Công ty nhận về.

Vì vậy, Công ty VT đã thực hiện thi công nhà trọ của ông C tổng cộng 59.590.000 đồng. Ông C không thừa nhận các ông Phạm Minh L, Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Văn B có thực hiện thi công công trình nhà ông C nên ông C không thừa nhận các giấy giao nhận tiền giữa ông L, ông S với ông K và hợp đồng thuê giàn giáo giữa ông B với ông K là để thực hiện thi công công trình nhà ông C.

- + Đối với số tiền giao nhận giữa ông K và ông K là 10.000.000 đồng theo giấy giao tiền ngày 14/02/2015: Tại các bản tự khai và hòa giải ông C thừa nhận ông K là người ông C thuê thi công sau khi ký biên bản nghiệm thu công trình với Công ty. Tại bản tự khai ngày 23/7/2019 ông Vũ Quý K (Vũ Trọng K) xác nhận là ông K là người làm cho ông C sau khi Công ty VT không thi công tiếp, ông C thừa nhận số tiền ông K đã trả cho ông K và đồng ý trừ số tiền này vào số tiền 69.347.600 đồng.

- + Đối với số tiền giao nhận 7.000.000 đồng giữa ông S và ông K theo giấy giao nhận tiền ngày 06/02/2015. Ông K cho rằng đây là số tiền thanh toán tiền nhân công đội khoán xây tô nhà ông C. Ông C không thừa nhận khoản tiền này.

Căn cứ biên bản nghiệm thu công trình ngày 19/01/2015 các bên đã ký thỏa thuận số tiền công thợ tô cầu thang và sửa lan can lầu 2.200.000 đồng nhưng thực tế là 7.000.000 đồng là trên giá trị tạm tính theo khoản IV của biên bản nghiệm thu có thỏa thuận phần nào ông K có người đến thi công thì sẽ được khấu trừ lại.

- + Đối với số tiền giao nhận giữa ông L và ông K 34.700.000 đồng theo giấy giao nhận tiền ngày 08/02/2015 thanh toán tiền công cho đội khoán sơn, bê công trình. Ông C không thừa nhận việc ông L thực hiện việc sơn, bê công trình của ông và cho rằng ông Hồ Xuân Quỳnh là người thi công hạn mục này.

Từ những cơ sở trên, việc ký nhận tiền công thợ giữ ông K với ông L, ông B, ông S để thi công nhà của ông C sau khi các bên nghiệm thu công trình nhưng

ông C không thừa nhận việc này nên việc ông K cho rằng có thi công nhà sau khi ký biên bản nghiệm thu ngày 19/01/2015 là không có cơ sở.

Đối với số tiền thuê giàn giáo giữa ông B và ông K thì ông K, ông C và ông B đều xác nhận hiện tại 21 chân giàn giáo vẫn còn đang ở nhà ông C. Theo trình bày của ông C là giàn giáo vẫn còn ở nhà ông C. Vấn đề này phía bị đơn cũng như ông B không có yêu cầu trong vụ án này nên không xem xét giải quyết. Nếu các bên không thương lượng được để cùng nhau giải quyết vấn đề này thì nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Từ những nhận định trên việc ông C yêu cầu cần buộc Công ty VT trả cho ông C số tiền là 59.347.600 đồng cùng với lãi suất 0,875%/tháng tính từ lúc khởi kiện đến nay là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường do chậm tiến độ thi công so với hợp đồng gấp 02 lần thời gian với số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ nội dung hợp đồng thi công công trình xây dựng ngày 05/7/2014 có thỏa thuận thời gian thi công là 120 ngày kể từ ngày 08/7/2014. Tuy nhiên, trong quá trình thi công 02 bên đều thừa nhận có gặp khó khăn, không thống nhất trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nội dung hợp đồng không thỏa thuận bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng. Đối với yêu cầu bồi thường này ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh có mối quan hệ nhân quả giữa yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng Công ty VT gây thiệt hại đối với ông C và vi phạm hợp đồng của Công ty VT.

- Mặc khác, nguyên đơn cho rằng việc Công ty VT cử người giám sát thi công, bố trí thợ không có chuyên môn kỹ thuật làm hư hao vật tư, làm mất mỹ quan làm ảnh hưởng đến kết cấu, ước tính giá trị sửa chữa 20.000.000 đồng. Căn cứ nội dung hợp đồng thi công được ký kết giữa ông C và Công ty VT ngày 05/7/2014 tại Điều 10 về quyền và nghĩa vụ bên A (bên giao thầu – chủ nhà) quy định: Bên A “*cử cán bộ thường xuyên giám sát việc thi công công trình của nhà thầu*” (BL14). Trong quá trình thi công công trình thì ông C có người giám sát công trình là ông Lê Nam T. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với ông Lê Nam T ngày 29/7/2016 thì ông T xác định ông là người giám sát công trình cho ông C. Vì vậy, nghĩa vụ giám sát công trình là của phía chủ nhà là ông C. Việc ông C khởi kiện yêu cầu Công ty VT phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra hợp đồng không thỏa thuận cụ thể về trách nhiệm của các bên khi việc thực hiện quá thời hạn đã nêu trong hợp đồng nên ông C cho rằng có thiệt hại do việc thi công quá hạn thì ông phải chứng minh nhưng cho đến phiên tòa hôm nay ông cũng không cung cấp được chứng cứ nào thuyết phục về việc ông có thiệt hại về nội dung này. Về lỗi như đã phân tích không thể buộc bị đơn chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc kéo dài thời gian thi công như đã phân tích. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại do các bên không có thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng và nguyên đơn cũng không yêu cầu giám định thiệt hại trong xây dựng mà tự ý đưa một giá trị thiệt hại là 70.000.000 đồng là không có cơ sở.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Khoản 21 Điều 3, Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 144, Điều 146, Điều 147 Luật xây dựng 2014.

- Điều 4, Điều 306 Luật thương mại 2005

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VT có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 59.347.600 đồng. Tiền lãi từ 27/3/2015 đến 27/8/2020 là 65 tháng, theo mức lãi 0,875%/tháng. Số tiền lãi là $(59.347.600 \text{ đồng} \times 0,875\%/\text{tháng}) \times 65 \text{ tháng} = 33.753.947 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn lãi là 93.101.547 đồng (chín mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn chậm trả cho nguyên đơn thì còn phải trả lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án đối với số tiền chưa thi hành án xong.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn C đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 70.000.000 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định là 4.655.000 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng theo biên lai thu số 003376 ngày 19/5/2015 nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NK, thành phố CT.

Đương sự được quyền K cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. CT,
- VKSND Q. NK,
- THADS Q. NK,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Anh Q